

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ BẢY
TỈNH HẬU GIANG**

Số: 74/2019/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

N, ngày 08 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 59/2019/TLST/HNGĐ ngày 17/4/2019 giữa:

Nguyên đơn: Trần Quốc C, sinh năm: 1986.

Trú tại: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh E.

Bị đơn: Lê Thị Kim T, sinh năm: 1986.

Trú tại: Ấp F, xã Đ, thị xã N, tỉnh E.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Trần Quốc C, sinh năm: 1986.

Trú tại: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh E.

Bị đơn: Lê Thị Kim T, sinh năm: 1986.

Trú tại: Ấp F, xã Đ, thị xã N, tỉnh E.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc C và chị Lê Thị Kim T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên: Trần Lê Quốc G (giới tính: Nam), sinh ngày 12/11/2008. Anh C và chị T thỏa thuận giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Ngoài ra, cháu G có nguyện vọng sống chung với mẹ nên chị T được quyền nuôi con chung cho đến khi trưởng thành.

Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng hàng tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật (ngày 08/7/2019) cho đến khi cháu G tròn mười tám tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Trần Quốc C không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí cấp dưỡng: Nguyên đơn Trần Quốc C tự nguyện nộp số tiền là 150.000đ (Một trăm năm chục nghìn đồng).

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng); bị đơn phải chịu tiền án phí là 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng). Nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ án phí số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Nguyên đơn được khấu trừ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo lai thu số 0019151 ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Hậu Giang. Do đó, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THA DS thị xã N;
- UBND xã B;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Huỳnh Kim Cương